



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901605

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 07/10/2020 Giờ thi: 16h30 Phòng thi: PMA

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002	[Signature]	7,0	Bảy, không	C22TC	
2	2010100103	Nguyễn Danh Quốc Bảo	21/09/2001	[Signature]	9,5	Chín, năm	C22QT3	
3	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	[Signature]	9,5	Chín, năm	C22QT4	
4	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	[Signature]	8,5	Tám, năm	C22QT4	
5	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/5/2002	[Signature]	6,0	Sáu, không	C22QT4	
6	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	[Signature]	8,0	Tám, không	C22QT4	
7	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	[Signature]	8,5	Tám, năm	C22QT4	
8	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	[Signature]	7,5	Bảy, năm	C22QT4	
9	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	[Signature]	9,0	Chín, không	C22QT4	
10	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	[Signature]	10	Mười	C22QT4	
11	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	[Signature]	6,5	Sáu, năm	C22QT4	
12	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	[Signature]	7,0	Bảy, không	C22QT6	
13	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	[Signature]	8,0	Tám, không	C22QT4	
14	2010100099	Trần Thúy Hằng	06/08/2002	[Signature]	7,5	Bảy, năm	C22QT3	
15	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	[Signature]	8,0	Tám, không	C22QT4	
16	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	[Signature]	8,5	Tám, năm	C22QT6	
17	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	[Signature]	8,5	Tám, năm	C22QT4	
18	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	[Signature]	8,0	Tám, không	C22QT4	
19	2010100125	Nguyễn Thị Nhà Linh	16/06/2002	[Signature]	9,5	Chín, năm	C22QT4	
20	2010100104	Phan Thị Yên Linh	03/02/2000	[Signature]	7,5	Bảy, năm	C22QT3	
21	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	[Signature]	9,0	Chín, không	C22QT4	
22	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	[Signature]	8,0	Tám, không	C22QT4	
23	2010100100	Nguyễn Thành Luân	14/9/2000	[Signature]	—	—	C22QT3	
24	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	[Signature]	4,0	Bốn, không	C22QT4	Cần thi
25	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	[Signature]	8,5	Tám, năm	C22QT6	
26	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	[Signature]	7,0	Bảy, không	C22QT4	
27	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	[Signature]	10	Mười	C22QT4	
28	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	[Signature]	6,5	Sáu, năm	C22QT6	
29	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	[Signature]	10	Mười	C22QT4	
30	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	[Signature]	10	Mười	C22QT4	
31	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	[Signature]	8,5	Tám, năm	C22QT4	
32	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/4/2002	[Signature]	9,0	Chín, không	C22QT3	

ST	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002		10	Mười	C22QT3	
34	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002		9,0	Chín, không	C22QT4	
35	2010100130	Sakyna	22/12/2002		6,0	Sáu, không	C22QT4	
36	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002		7,5	Bảy, năm	C22QT4	
37	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002		9,5	Chín, năm	C22QT4	
38	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001		6,0	Sáu, không	C22QT3	
39	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002		7,0	Bảy, không	C22QT3	
40	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002		10	Mười	C22QT4	
41	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002		9,0	Chín, không	C22QT4	
42	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002		8,0	Tám, không	C22QT6	
43	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000		9,0	Chín, không	C22QT4	
44	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001		6,5	Sáu, năm	C22QT4	
45	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002		10	Mười	C22QT4	
46	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002		9,0	Chín, không	C22QT4	
47	2010100105	Phan Thành Triệu	07/8/2002		7,5	Bảy, năm	C22QT3	
48	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002		9,0	Chín, không	C22QT4	
49	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002		7,0	Bảy, không	C22QT4	
50	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002		7,0	Bảy, không	C22QT4	
51	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002		4,5	Bốn, năm	C22QT3	
52	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002		6,5	Sáu, năm	C22QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 51 vắng thi: 1. Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 21 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 07 tháng 10 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tân Phát



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901605

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 18/11/2020 Giờ thi: 13h00 Phòng thi: PMA

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tâm, không	C22TC	
2	2010100103	Nguyễn Danh Quốc Bảo	21/09/2001	<u>[Signature]</u>	8,0	Tâm, không	C22QT3	
3	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT4	
4	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22QT4	
5	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/5/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	C22QT4	
6	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT4	
7	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT4	
8	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT4	
9	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22QT4	
10	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT4	
11	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	C22QT4	
12	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT6	
13	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	C22QT4	
14	2010100099	Trần Thúy Hằng	06/08/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT3	
15	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT4	
16	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22QT6	
17	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22QT4	
18	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT4	
19	2010100125	Nguyễn Thị Nhà Linh	16/06/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
20	2010100104	Phan Thị Yên Linh	03/02/2000	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT3	
21	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT4	
22	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT4	
23	2010100100	Nguyễn Thành Luân	14/9/2000	<u>[Signature]</u>	—	—	C22QT3	Cam thi
24	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT4	
25	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22QT6	
26	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT4	
27	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
28	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT6	
29	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT4	
30	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT4	
31	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT4	
32	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/4/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT3	

ST	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002		8,5	Tâm, năm	C22QT3	
34	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002		8,5	Tâm, năm	C22QT4	
35	2010100130	Sakyna	22/12/2002		8,5	Tâm, năm	C22QT4	
36	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002		8,5	Tâm, năm	C22QT4	
37	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002		9,0	Chín, không	C22QT4	
38	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001		7,0	Bảy, không	C22QT3	
39	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002		8,0	Tám, không	C22QT3	
40	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002		8,5	Tám, năm	C22QT4	
41	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002		9,5	Chín, năm	C22QT4	
42	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002		8,0	Tám, không	C22QT6	
43	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000		8,0	Tám, không	C22QT4	
44	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001		8,0	Tám, không	C22QT4	
45	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002		9,0	Chín, không	C22QT4	
46	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002		8,5	Tám, năm	C22QT4	
47	2010100105	Phan Thành Triệu	07/8/2002		7,5	Bảy, năm	C22QT3	
48	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002		8,5	Tám, năm	C22QT4	
49	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002		8,0	Tám, không	C22QT4	
50	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002		7,0	Bảy, không	C22QT4	
51	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002		6,5	Sáu, năm	C22QT3	
52	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002		8,0	Tám, không	C22QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 51 vắng thi: 1. Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 21 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 18 tháng 11 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tấn Phát



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901602

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: 11/12/2020

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Số tín chỉ: 3

Giám thị 1: Trần Thị Mỹ Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trương T.N. Thu Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002	[Signature]		7,5	Bảy, năm	C22TC	
2	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	[Signature]		9,0	Chín, không	C22QT4	
3	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	[Signature]		8,0	Tám, không	C22QT4	
4	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/5/2002	[Signature]		6,0	Sáu, không	C22QT4	
5	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	[Signature]		5,0	Năm, không	C22QT4	
6	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	[Signature]		4,0	Bốn, không	C22QT4	
7	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	[Signature]		7,0	Bảy, không	C22QT4	
8	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	[Signature]		5,5	Năm, năm	C22QT4	
9	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	[Signature]		7,5	Bảy, năm	C22QT4	
10	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	[Signature]		6,0	Sáu, không	C22QT4	
11	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	[Signature]		7,0	Bảy, không	C22QT6	
12	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	[Signature]		3,0	Ba, không	C22QT4	
13	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	[Signature]		6,5	Sáu, năm	C22QT4	
14	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	[Signature]		7,5	Bảy, năm	C22QT6	
15	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	[Signature]		8,0	Tám, không	C22QT4	
16	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	[Signature]		7,5	Bảy, năm	C22QT4	
17	2010100125	Nguyễn Thị Nhà Linh	16/06/2002	[Signature]		5,0	Năm, không	C22QT4	
18	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	[Signature]		8,0	Tám, không	C22QT4	
19	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	[Signature]		9,0	Chín, không	C22QT4	
20	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	[Signature]		4,0	Bốn, không	C22QT4	
21	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	[Signature]		9,0	Chín, không	C22QT6	
22	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	[Signature]		8,0	Tám, không	C22QT4	
23	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	[Signature]		7,5	Bảy, năm	C22QT4	
24	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	[Signature]		7,0	Bảy, không	C22QT6	
25	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	[Signature]		7,5	Bảy, năm	C22QT4	
26	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	[Signature]		6,5	Sáu, năm	C22QT4	
27	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	[Signature]		8,0	Tám, không	C22QT4	
28	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	[Signature]		5,5	Năm, năm	C22QT4	
29	2010100130	Sakyna	22/12/2002	[Signature]		4,0	Bốn, không	C22QT4	
30	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	[Signature]		5,5	Năm, năm	C22QT4	
31	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	[Signature]		7,5	Bảy, năm	C22QT4	
32	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	[Signature]		6,5	Sáu, năm	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002			6,0	Sâu, không	C22QT4	
34	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002			7,0	Bảy, không	C22QT6	
35	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000			8,5	Tám, năm	C22QT4	
36	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001			6,0	Sáu, không	C22QT4	
37	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002			4,0	Bốn, không	C22QT4	
38	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002			7,5	Bảy, năm	C22QT4	
39	2010100014	Phạm Thị Phương Trinh	06/07/2002			8,0	Tám, không	C22QT1	
40	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002			7,0	Bảy, không	C22QT4	
41	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002			4,0	Bốn, không	C22QT4	
42	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002			6,5	Sáu, năm	C22QT4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 42 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 42 / 1.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 21 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tấn Phát



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901602

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: 11/12/2020

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 2

Số tín chỉ: 3

Giám thị 1: Cao Thị Châu Ký tên:

Giám thị 2: Ngô Tiến Đạt Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100103	Nguyễn Danh Quốc Bảo	21/09/2001			5,5	Năm, năm	C22QT3	
2	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002			4,5	Bốn, năm	C22QT2	
3	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002			4,0	Bốn, không	C22QT2	
4	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002			8,5	Tám, năm	C22QT2	
5	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002			3,5	Ba, năm	C22QT2	
6	2010100039	Quan Chí Hào	04/10/2002			8,5	Tám, năm	C22QT2	
7	2010100099	Trần Thúy Hằng	06/08/2002			4,5	Bốn, năm	C22QT3	
8	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002			4,0	Bốn, không	C22QT2	
9	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	15/12/2002			4,0	Bốn, không	C22QT2	
10	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000			5,5	Năm, năm	C22QT3	
11	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002			8,5	Tám, năm	C22QT2	
12	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/4/2002			4,5	Bốn, năm	C22QT3	
13	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002			5,5	Năm, năm	C22QT3	
14	2010100042	Võ Lâm Thanh	24/12/2002			5,0	Năm, không	C22QT2	
15	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001			3,5	Ba, năm	C22QT3	
16	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002			3,0	Ba, không	C22QT3	
17	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002			4,5	Bốn, năm	C22QT2	
18	2010100105	Phan Thành Triệu	07/8/2002			7,0	Bảy, không	C22QT3	
19	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002			0	không	C22QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 19 / 19 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tấn Phát



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: Cao Thị Oanh Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Ngô Tiến Dũng Ký tên: [Signature]

Giảng viên giảng dạy:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 11/12/2020 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM2

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100102	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/12/2002	<u>Xuyên</u>		5,0	Năm, không	C22QT3	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 11 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 11 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trương Tân Phát